

HUYỆN BÌNH CHÁNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2007/QĐ-UBND

*Bình Chánh, ngày 06 tháng 3 năm 2007***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn huyện Bình Chánh****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội Vụ và Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Chánh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội Vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Tường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn huyện Bình Chánh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn huyện được điều chỉnh bởi Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện. (Các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước phải theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân thành phố).

Chương II

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 3. Đối với Ủy ban nhân dân huyện

3.1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.2. Phối hợp chặt chẽ các cơ quan liên quan trong công tác lập quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân, cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.3. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng

chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3.4. Tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, xem xét cấp phép các trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất, đăng ký khai thác nước dưới đất theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

3.5. Xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra, phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện; tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước và các quy định có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

3.7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

Điều 4. Đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

4.1. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn huyện theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2. Giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền, cấp phép, kiểm tra, thanh tra hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4.3. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch, quản lý hoạt động tài nguyên nước; xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra.

4.4. Tiếp nhận, xem xét, rà soát trình tự, thủ tục hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước, đăng ký khai thác nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; lưu trữ hồ sơ liên quan đến toàn bộ các hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4.5. Xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước và những nhiệm vụ cụ thể được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, xã, thị trấn về hoạt động tài nguyên nước; kiểm tra và phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4.6. Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, thanh tra. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xử lý các trường hợp vi phạm của tổ chức, cá nhân, các khiếu nại, tố cáo về quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4.7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và Ủy ban nhân dân huyện về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện.

4.8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và Ủy ban nhân dân huyện.

Điều 5. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

5.1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố.

5.2. Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan có liên quan trong công tác quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về hoạt động tài nguyên nước; xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

5.3. Tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

5.4. Tham gia công tác hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên nước; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước và các quy định có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

5.5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân huyện về tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn xã, thị trấn.

Chương III

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 6. Nguyên tắc và căn cứ cấp phép

Nguyên tắc và căn cứ cấp phép hoạt động tài nguyên nước áp dụng theo Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 7. Các trường hợp hoạt động tài nguyên nước không phải xin phép

7.1. Các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất không phải xin phép nhưng phải đăng ký:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 10m^3 /ngày đêm phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác.

b) Khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hải sản, thể thao, y tế, an dưỡng, mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác.

c) Khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác, có lưu lượng khai thác không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

7.2. Các công trình khai thác, sử dụng nước mặt, xả nước thải vào nguồn nước không phải xin phép:

a) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá $0,02\text{m}^3$ /giây (tương đương 72m^3 /giờ) phục vụ sản xuất nông nghiệp.

b) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 100m^3 /ngày đêm phục vụ sinh hoạt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác.

c) Khai thác sử dụng nước mặt trong phạm vi diện tích đã được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật.

d) Khai thác, sử dụng nước mặt không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, hải sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học.

e) Xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Điều 8. Cấp phép hoạt động tài nguyên nước

8.1. Ủy ban nhân dân huyện xem xét cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác không vượt quá $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (trừ các công trình khai thác để sản xuất các loại nước uống), tổ chức đăng ký các công trình khai thác nước dưới đất quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 7 Quy định này.

8.2. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Thời hạn, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ và Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại Tổ Tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính của huyện. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện giải quyết việc cấp phép hoạt động tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Chương IV **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC,** **CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước
Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ

theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Về lệ phí cấp phép và đăng ký khai thác nước của tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 12. Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

12.1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước theo đúng quy định và ghi nhận lại lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày vào sổ vận hành công trình.

12.2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải có nghĩa vụ:

- a) Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước xả thải theo đúng quy định và ghi nhận lại lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày vào sổ vận hành công trình.
- b) Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải ba (3) tháng một lần.

12.3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về chất lượng nguồn nước phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường) nơi xảy ra sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Điều 13. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

13.1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thực hiện công tác báo cáo đến cơ quan đã cấp phép sáu (6) tháng một lần số liệu về lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày.

13.2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện chế độ báo cáo đến cơ quan đã cấp phép ba (3) tháng một lần gồm các nội dung sau:

- a) Số liệu về lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày.
- b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải.

13.3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác thuộc trường hợp không phải đề nghị cấp phép mới theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7

Quy định này có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi cấp phép ban đầu trước khi tiến hành thi công công trình khai thác mới để thực hiện công tác điều chỉnh giấy phép.

Điều 14. Công tác trám lấp giếng

Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng, hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ trám lấp các giếng khoan, giếng đào bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc không đạt yêu cầu sau khi kết thúc giai đoạn thăm dò, khai thác theo đúng quy định. Trước khi trám lấp giếng, tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép hoặc người quản lý, vận hành công trình đó có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp phép thăm dò, khai thác hoặc thụ lý việc đăng ký khai thác được biết.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 15. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý, hàng năm và đột xuất, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, đăng ký, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn huyện cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trái phép, không có giấy phép của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc bảo vệ tài nguyên nước, cản trở hoạt động tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc thanh tra, kiểm tra tài nguyên nước hoặc các vi phạm khác theo quy định của pháp luật thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra (nếu có).